

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 9 NĂM 2017
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Nhiệm vụ trọng tâm của ngành trồng trọt trong tháng là chăm sóc, thu hoạch lúa mùa ở miền Bắc và thu hoạch lúa hè thu, gieo trồng lúa thu đông, lúa mùa ở các tỉnh ở các tỉnh phía Nam. Tính đến trung tuần tháng 9, cả nước đã gieo cấy đạt 1.571,7 ngàn ha lúa mùa, bằng 98,7% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, tại các địa phương phía Bắc, đã cho thu hoạch đạt trên 76 nghìn ha. Năng suất lúa mùa trên những diện tích đã thu hoạch ước đạt 50,3 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam gieo cấy lúa mùa đạt 435,5 ngàn ha, bằng 98,1% cùng kỳ. Cùng với gieo cấy lúa mùa các tỉnh phía Nam đã thu hoạch đạt gần 1.757,7 ngàn ha lúa hè thu, bằng 99,6% cùng kỳ năm trước và chiếm 91% diện tích xuống giống. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch đến thời điểm này của các tỉnh phía Nam đạt khoảng 54,7 tạ/ha.

Những tháng đầu năm, giá bán tăng, giảm thất thường khiến người chăn nuôi lợn không mặn mà với việc tái đàn. Người chăn nuôi nhỏ lẻ do thua lỗ nên không đầu tư nuôi trở lại, còn các hộ có quy mô nuôi lớn, trang trại, doanh nghiệp chỉ duy trì nuôi cầm chừng. Đàn lợn cả nước ước tính đến tháng 9 giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2016. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 9 tháng ước đạt 2731,9 nghìn tấn, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước. Đàn gia cầm cả nước nhìn chung phát triển khá tốt. Các mô hình gia trại, trang trại gia cầm được quan tâm đầu tư, đa dạng về đối tượng và chất lượng đàn ngày càng tăng. Đàn gia cầm cả nước ước tính đến tháng 9 tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2016. Sản lượng gia cầm hơi xuất chuồng 9 tháng ước đạt 772,7 nghìn tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước.

9 tháng đầu năm, thời tiết thuận lợi cho việc trồng rừng, diện tích trồng rừng tăng so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ các sản phẩm gỗ tăng trưởng khá vì vậy sản lượng gỗ khai thác cũng tăng so với cùng kỳ năm trước. Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 152,5 nghìn ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó trồng mới rừng sản xuất đạt 143,2 ngàn ha, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước; Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 499 ngàn ha, tăng 17%; Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 7.846 nghìn m³, tăng 7,1%.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản 9 tháng đầu năm đạt 2.813 ngàn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Các ao nuôi cá tra đang tích cực thu hoạch phục vụ nhu cầu của các nhà máy chế biến dịp cuối năm. Sản lượng thu hoạch 9 tháng tăng trưởng khá, đạt 998 ngàn tấn (+9,8%). Diện tích nuôi tôm nước lợ của cả nước 9 tháng ước đạt 696,2 ngàn ha,

tăng 4,4% và sản lượng thu hoạch ước đạt 468,3 ngàn tấn, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2016.

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 9 năm 2017 ước đạt 3,04 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2017 đạt gần 27 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 14,38 tỷ USD, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm 2016; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 5,91 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2016; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,78 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2016.

9 tháng qua, thị trường một số nông sản có khá nhiều biến động: Giá cà phê trong nước trong xu hướng giảm là chủ đạo với lượng giao dịch nội địa tiếp tục trầm lắng do mức giá chưa đạt kỳ vọng và nguồn cung không còn nhiều. Giá hồ tiêu trong nước giảm với mức giảm từ 35 – 40% do nhu cầu thị trường hạn hẹp, trong khi việc xuất khẩu hồ tiêu của các doanh nghiệp vẫn không có tín hiệu tích cực, cộng với sự ảnh hưởng của giá hồ tiêu thế giới thấp. Thị trường cá tra và tôm trong nước nhìn chung có sự khởi sắc về giá theo hướng có lợi cho người nuôi. Giá lúa tăng trên thị trường nội địa tăng do nhu cầu nhập khẩu tăng từ Băng-la-đét, Phi-lip-pin trong khi nguồn cung vụ Hè Thu và Thu Đông hạn chế.

Kết quả một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

	Đơn vị	Thực hiện 15/09/2016	Thực hiện 15/09/2017	% so với C.kỳ 2016
1. Gieo cấy lúa mùa cả nước	1000 ha	1.592,1	1.571,7	98,7
Chia ra: - Miền Bắc	"	1.148,1	1.136,2	99,0
- Miền Nam	"	443,9	435,5	98,1
2. Gieo cấy lúa hè thu cả nước	"	2.088,9	2.101,2	100,6
3. Thu hoạch lúa hè thu miền Nam	"	1.765,3	1.757,7	99,6
Trong đó: Đồng bằng sông Cửu Long		1.551,8	1.530,6	98,6
4. Gieo cấy lúa thu đông ĐBSCL	"	651,1	629,9	96,7
3. Trồng màu lương thực	1000 ha	1.633,8	1.607,0	98,4
Trong đó: - Ngô	"	1.050,6	1.034,6	98,5
- Khoai lang	"	104,5	101,7	97,3
- Sắn	"	467,6	461,3	98,7
4. Trồng rừng tập trung	1000 ha	148,6	152,5	102,6
Trong đó: - Rừng phòng hộ đặc dụng	"	11,4	9,3	81,3
- Rừng sản xuất	"	137,2	143,2	104,3
5. Tổng sản lượng thủy sản	1000 tấn	5.161,7	5.448,8	105,6
Trong đó: - Sản lượng khai thác	"	2.506,7	2.635,8	105,1
- Sản lượng nuôi trồng	"	2.655,0	2.813,0	106,0
6. Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	23.649,0	26.986,3	114,1
Trong đó: - Nông sản chính	"	12.218,1	14.374,8	117,7
- Lâm sản chính	"	5.223,4	5.776,3	110,6
- Thủy sản	"	5.002,1	5.909	118,1

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

2.1.1 Tình hình trồng trọt

+ **Lúa mùa:** Tính đến trung tuần tháng 9, cả nước đã gieo cấy đạt 1.571,7 ngàn ha lúa mùa, bằng 98,7% so với cùng kỳ năm trước. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với 1.136,2 ngàn ha diện tích gieo cấy, bằng 99% cùng kỳ, trong đó Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản kết thúc gieo cấy, diện tích gieo cấy đạt 543,2 ngàn ha, bằng 99,4% cùng kỳ. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm là do chuyển đổi đất lúa sang đất phi nông nghiệp để xây dựng các công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng... (3,9 nghìn ha), hoặc chuyển sang trồng cây hàng năm khác (2,8 nghìn ha), cây lâu năm (1,5 nghìn ha) và chuyển sang nuôi trồng thủy sản (1,7 nghìn ha); nhiều diện tích trồng lúa bị bỏ hoang do khó khăn trong khâu tưới tiêu và thiếu lao động (2,4 nghìn ha), do đầu vụ mưa nhiều, gây ngập úng (1,3 nghìn ha); ngoài ra là do các nguyên nhân khác như chuyển đổi mùa vụ, chuyển sang đất phi lâm nghiệp... (5,6 nghìn ha).

Đến nay, tại các địa phương phía Bắc, lúa mùa sớm đang giai đoạn đở đuôi - thu hoạch, lúa mùa trung đang giai đoạn đòng già - trổ, lúa mùa muộn đang giai đoạn đứng cái - làm đòng, diện tích đã cho thu hoạch đạt trên 76 nghìn ha. Năng suất lúa mùa trên những diện tích đã thu hoạch ước đạt 50,3 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so cùng kỳ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của mưa bão liên tiếp trong quá trình gieo cấy và sinh trưởng, nên dự ước năng suất lúa toàn vụ mùa năm nay sẽ khó có thể tăng cao.

Các tỉnh miền Nam đang tiếp tục gieo cấy, tính đến trung tuần tháng 9 diện tích gieo cấy đạt 435,5 ngàn ha, bằng 98,1% cùng kỳ.

+ **Lúa hè thu:** Tính đến ngày 15/9, diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.101,2 ngàn ha, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam, đạt 1.930,2 ngàn ha, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt 1.651,8 ngàn ha, giảm 0,5% so với cùng kỳ. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt gần 1.757,7 ngàn ha, bằng 99,6% cùng kỳ năm trước và chiếm 91% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 1.530,6 ngàn ha, bằng 98,6% cùng kỳ và chiếm 93% diện tích đã gieo trồng. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch đến thời điểm này của các tỉnh phía Nam đạt khoảng 54,7 tạ/ha.

Như vậy, mặc dù thời tiết thuận lợi hơn cùng kỳ nhưng kết quả sản xuất lúa vụ Hè thu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long không tăng trưởng như kỳ vọng. Vụ Hè thu 2017 không bị nhiễm mặn trực tiếp nhưng thổ nhưỡng tại một số địa phương vẫn chưa đáp ứng được như cầu phát triển của lúa do độ mặn, dư lượng phèn trong đất vẫn cao.

+ **Lúa thu đông:** Tính đến trung tuần tháng 9, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt 629,9 ngàn ha lúa thu đông, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Vụ thu đông năm nay, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, sâu bệnh có thể gây hại trên diện rộng nên để tránh thiệt hại, nhiều tỉnh đã chủ động xả lũ vào ruộng để tăng cường lượng phù sa, nhằm làm cho đất màu mỡ giảm dịch bệnh cho vụ sau. Bên cạnh đó, dự báo năm nay lũ đầu nguồn tăng cao, nên ngành chuyên môn khuyến cáo người dân chỉ trồng lúa vào những nơi có đê bao chắc chắn, những nơi không an toàn thì tuyệt đối không gieo trồng. Vì vậy, diện tích gieo trồng vụ lúa Thu Đông 2017 có khả năng giảm so với năm 2016. Hiện lúa đang phát triển khá tốt, sâu bệnh gây hại không đáng kể. Đến thời điểm báo cáo diện tích lúa đã thu hoạch chiếm khoảng 34% diện tích xuống giống, năng suất toàn vụ ước đạt 51,9 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so cùng kỳ năm trước.

+ Cây hàng năm khác

Ngoài việc thu hoạch lúa hè thu và gieo trồng lúa thu đông, mùa, các địa phương tiếp tục triển khai việc gieo trồng các cây màu lương thực khác. Do ảnh hưởng của mưa bão, ngập úng trên diện rộng nên tiến độ gieo trồng rau màu thấp hơn cùng kỳ. Tính đến ngày 15/9 diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước ước đạt 1.607 ngàn ha, giảm 1,6%; trong đó diện tích ngô đạt 1,034.6 ngàn ha, bằng 98,5% cùng kỳ và đạt 87,7% kế hoạch; khoai lang đạt 101,7 ngàn ha, bằng 97,3% cùng kỳ và 72,1% kế hoạch; sắn đạt 461,3 ngàn ha, bằng 98,7% cùng kỳ và 83,9% mức kế hoạch. Hiện bà con nông dân các tỉnh phía Bắc đang được khuyến cáo đẩy nhanh tiến độ gieo trồng cây màu cho kịp thời vụ trên những diện tích lúa không có khả năng phục hồi do úng ngập sau đợt mưa lũ vừa qua.

Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày cả nước đạt 487,8 ngàn ha, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích lạc ước đạt 182,3 ngàn ha, bằng 97,9 cùng kỳ; diện tích đậu tương đạt 67,4 ngàn ha, bằng 82,4% cùng kỳ năm trước; thuốc lá đạt 17,5 ngàn ha, bằng 93,9% cùng kỳ; mía đạt 220,5 ngàn ha, bằng 99,5% và diện tích rau, đậu các loại 951,6 ngàn ha, tăng 0,9 % so với cùng kỳ năm trước.

+ Cây lâu năm

Tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm 9 tháng đầu năm ước đạt 3366,8 nghìn ha, tăng 1,54% so năm 2016, trong đó nhóm cây ăn quả tăng 2,97%; nhóm cây gia vị giảm 1,22%; các nhóm cây khác đều tăng nhẹ.

Cây ăn quả: Một số cây trồng do có thị trường tiêu thụ tốt nên sản lượng tăng nhẹ, sản lượng xoài ước tăng 10,7%; sản lượng chuối ước tăng 8,7%; sản lượng thanh long ước tăng 15%; sản lượng cam tăng 12%; sản lượng quýt tăng 6%; sản lượng chanh ước tăng 8,7%; sản lượng bưởi ước tăng 6,6%. Riêng sản lượng nhóm nhãn, vải giảm nhiều do thời tiết không thuận lợi khi ra hoa. Trong đó: sản lượng nhãn ước giảm 2,9%; sản lượng vải giảm 23,3% so với cùng kỳ.

Cây công nghiệp lâu năm: Trong những năm gần đây, giá bán thuận lợi nên các địa phương tiếp tục phát triển các giống chè, hồ tiêu cho năng suất, chất lượng cao; Trong năm 2017, do nhiều diện tích cây lâu năm đến kỳ cho sản phẩm nên sản lượng các cây trồng vẫn đạt khá. Sản lượng hồ tiêu ước tăng 9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng chè búp ước tăng 1%; sản lượng cao su ước tăng 3,9%; sản lượng cà phê ước tăng 1,8%; riêng sản lượng điều giảm 28% so năm 2016 do xuất hiện sương mù trong đợt ra hoa nên nhiều diện tích bị mất trắng.

2.1.2 Bảo vệ thực vật

Theo Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 9 một số dịch bệnh hại lúa có dấu hiệu giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái và tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và một số tỉnh ở phía Nam bao gồm: Bệnh đạo ôn lá hại lúa, bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa và bệnh sâu đục thân hại lúa; Tiếp tục gia tăng so với cùng kỳ năm ngoái như bệnh rầy nâu hại lúa, bệnh lùn sọc đen, bệnh đạo ôn hại lá, bệnh đạo ôn cổ bông. Riêng một số bệnh như: Rầy nâu, RLT hại lúa, bệnh lùn sọc đen hại lúa, khô vằn hại lúa có dấu hiệu gia tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

Diện tích một số bệnh giảm so với cùng kỳ năm ngoái như sau.

Bệnh đạo ôn lá hại lúa diện tích nhiễm 9,217 ha, giảm 8,653 ha so với cùng kỳ năm ngoái, tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam.

Bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa diện tích nhiễm 13,032 ha, giảm 8,708 ha so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích nhiễm ở các tỉnh phía Nam.

Diện tích lúa bị nhiễm bệnh bạc lá hại lúa 50,848 ha giảm 37,173 ha so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích nhiễm bệnh tập trung ở các tỉnh phía Nam, phía Bắc.

Sâu đục thân hại lúa diện tích nhiễm giảm 7,416 ha so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu tập trung ở các tỉnh phía Bắc.

Diện tích một số bệnh gây hại gia tăng so với cùng kỳ năm ngoái:

Rầy nâu, RLT hại lúa diện tích nhiễm bệnh lên tới 67,661 ha, diện tích nhiễm nặng hơn 2000 ha tăng 28,134 ha so với cùng kỳ năm ngoái, tập trung ở các tỉnh Bắc Bộ, phía Nam.

Diện tích lúa nhiễm bệnh lùn sọc đen 18,712 ha, trong đó mất trắng 2,789 ha tập trung ở các tỉnh: Quảng Bình, Nghệ An, Quảng Trị, Nam Định, Hải Phòng.

Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa diện tích nhiễm 375,983 ha tăng 43,264 ha so với cùng kỳ năm ngoái trong đó diện tích nhiễm nặng 135,011 ha. Diện tích nhiễm tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc.

Bệnh khô vằn hại lúa diện tích nhiễm 214,250 ha, diện tích nhiễm nặng 197,623 ha tăng hơn 17,782 ha so với cùng kỳ năm ngoái, diện tích nhiễm chủ yếu ở các tỉnh khu IV.

Ngoài ra một số bệnh như ốc bươu vàng hại lúa, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lem lép hại lúa diện tích nhiễm có gia tăng nhưng ko đáng kể, diện tích nhiễm trung bình từ 1000-1,500 ha.

2.2 Chăn nuôi

2.2.1 Tình hình sản xuất chăn nuôi

Chăn nuôi trâu, bò: Theo Tổng cục Thống kê đàn trâu, bò cả nước trong 9 tháng qua nhìn chung không có biến động lớn. Đàn bò cả nước phát triển tốt nhờ các chương trình, dự án đầu tư. Ước tính đến tháng Chín, đàn trâu cả nước giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2016; đàn bò tăng 2,7%. Sản lượng thịt trâu hơi 9 tháng ước đạt 65,8 nghìn tấn, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò hơi ước đạt 246,7 nghìn tấn, tăng 4,9%.

Chăn nuôi lợn: Do giá bán tăng, giảm thất thường khiến người chăn nuôi không mặn mà với việc tái đàn. Người chăn nuôi nhỏ lẻ do thua lỗ nên không đầu tư nuôi trở lại, còn các hộ có quy mô nuôi lớn, trang trại, doanh nghiệp chỉ duy trì nuôi cầm chừng. Đàn lợn cả nước ước tính đến tháng 9 giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2016. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 9 tháng ước đạt 2731,9 nghìn tấn, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng quý III/2017 đạt 521,9 nghìn tấn, giảm 2,3 % so với quý III/2016.

Chăn nuôi gia cầm: Trong 9 tháng qua, đàn gia cầm cả nước nhìn chung phát triển khá tốt. Các mô hình gia trại, trang trại gia cầm được quan tâm đầu tư, đa dạng về đối tượng và chất lượng đàn ngày càng tăng. Dịch cúm gia cầm tuy có xuất hiện rải rác tại một số tỉnh nhưng hiện đã được dập tắt. Đàn gia cầm cả nước ước tính đến tháng Chín tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2016. Sản lượng gia cầm hơi xuất chuồng 9 tháng ước đạt 772,7 nghìn tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước; trứng gia cầm đạt 7562,7 triệu quả, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2016.

2.2.2 Tình hình dịch bệnh

- Dịch cúm gia cầm: Tính đến ngày 22/9/2017 cả nước không còn tỉnh nào phát sinh dịch cúm gia cầm, hiện nay cả nước không có dịch cúm gia cầm.

- Dịch lợn tai xanh: Tính đến ngày 22/9/2017 cả nước không còn tỉnh nào phát sinh dịch lợn tai xanh, hiện nay cả nước không có dịch lợn tai xanh.

- Dịch lở mồm long móng: Tính đến ngày 22/9/2017 cả nước không còn tỉnh nào có dịch lở mồm long móng.

Nhận định tình hình dịch

Cúm gia cầm: Nguy cơ dịch phát sinh và lây lan trong thời gian tới là rất cao. Một số chủng vi rút cúm gia cầm chưa có ở Việt Nam (A/H7N9, A/H5N2, A/H5N8) có nguy cơ xâm nhiễm vào trong nước thông qua các hoạt động vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ gia cầm và sản phẩm gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, nhất là đối với các tỉnh biên giới phía Bắc và các tỉnh, thành phố khác có tiêu thụ gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu.

Lở mồm long móng: Các địa phương thuộc khu vực có nguy cơ cao, nơi có ổ dịch cũ, có đàn gia súc chưa được tiêm phòng triệt để, đặc biệt các địa phương có dự án cung ứng con giống gia súc, xóa đói giảm nghèo.

Tai xanh trên lợn: Trong thời gian tới, có thể xuất hiện các ổ dịch nhỏ lẻ trên địa bàn có ổ dịch cũ và khu vực có nguy cơ cao.

2.3 Lâm nghiệp

2.3.1 Thực hiện công tác lâm sinh

Trong 9 tháng đầu năm, do thời tiết thuận lợi cho việc trồng rừng vì vậy diện tích trồng rừng tăng. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ các sản phẩm gỗ tăng trưởng khá vì vậy sản lượng gỗ khai thác tăng so với cùng kỳ năm trước. Tính đến 20/9 kết quả thực hiện một số chỉ tiêu lâm nghiệp như sau:

- Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 152,5 nghìn ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 9,3 nghìn ha, giảm 18,7% so với cùng kỳ năm trước; Trồng mới rừng sản xuất đạt 143,2 nghìn ha, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 499 nghìn ha, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước;

- Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ đạt 5.303,1 nghìn ha, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

- Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 7.916 nghìn m³, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ **Miền Bắc:** Các địa phương miền Bắc đang ở giai đoạn trồng rừng chính vụ. Đến ngày 20/9, các tỉnh miền Bắc đã trồng được 129.271 ha rừng, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Đồng bằng sông Hồng có tiến độ trồng rừng nhanh nhất đạt 13.617 ha, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước, Trung du và miền núi phía Bắc trồng đạt 85.839 ha, (+0,5%), Bắc Trung Bộ trồng đạt 29.815 ha (-5,5%). Những tỉnh có diện tích trồng rừng nhiều và tiến độ nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước là Tuyên Quang trồng đạt 11.497 ha (+5,5%), Quảng Ninh 12.310 ha (+0,7%), Hà Giang 8.699 ha (+100,9%). Bên cạnh công tác trồng rừng tập trung, các địa phương tiếp tục chăm sóc cây giống, trồng cây phân tán, giao khoán bảo vệ và tiến hành chăm sóc diện tích rừng đã trồng.

+ **Miền Nam:** Các tỉnh miền Nam tiếp tục triển khai công tác trồng rừng. Đến ngày 20/9, các địa phương trồng đạt 22.484 ha, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước. Vùng

Duyên hải Nam Trung Bộ có tiến độ trồng rừng nhanh nhất, đạt 9.782 (+49,3%). Tây Nguyên trồng rừng đạt 8.162 ha (+16,1%), Đồng bằng sông Cửu Long đạt 3.559 ha (+3,7%) Đông Nam Bộ đạt 981 ha (-21%). Một số tỉnh có diện tích trồng rừng tăng so với cùng kỳ năm trước là: Quảng Ngãi trồng đạt 3.276,9ha (+1.538,4%), Lâm Đồng đạt 3.267 ha (+328,1%), Cà Mau đạt 3.057,5ha (+64,7%). Bên cạnh công tác trồng rừng, các địa phương tiếp tục gieo ươm và chăm sóc cây giống phục vụ cho kế hoạch trồng rừng và trồng cây phân tán năm 2017. Ngoài ra, các địa phương tiếp tục thực hiện giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và chăm sóc rừng trồng các năm trước.

2.3.2 Tình hình cháy và chặt phá rừng

Cháy rừng: Do thời tiết trong kỳ có mưa nhiều nên hiện tượng cháy rừng giảm. Trong tháng 9, diện tích rừng bị cháy trong cả nước là 471 ha, giảm 79,3 so với cùng kỳ năm trước.

Phá rừng: Trong tháng 9, diện tích rừng bị phá là 845 ha, giảm 15,7 so với cùng kỳ năm trước. Một số tỉnh có diện tích rừng bị chặt, phá nhiều như Đắk Nông 237 ha; Điện Biên 194 ha; Lâm Đồng 69 ha; Quảng Nam 67 ha; Bình Định 58 ha.

2.4 Nghề muối

Theo Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, tính đến ngày 20/9/2017 diện tích sản xuất muối cả nước ước đạt 13.589 ha, trong đó: diện tích muối thủ công đạt 9.276 ha; diện tích muối công nghiệp đạt 4.313 ha. Sản lượng muối đạt khoảng 554.714 tấn, bằng 43,3% so với cùng kỳ 2016. Trong đó muối sản xuất thủ công đạt 427.731 tấn; muối sản xuất công nghiệp đạt 126.983 tấn.

Lượng muối tồn trong diêm dân và một số doanh nghiệp sản xuất khoảng 270.839 tấn, bằng 34,8% so với cùng kỳ 2016. Trong đó: Miền Bắc tồn 13.061 tấn; Miền Trung tồn 136.067 tấn; Nam Bộ tồn 121.771 tấn.

Về giá muối: Giá muối giữ ổn định so với tháng trước, cụ thể: Miền Bắc từ 1.500 - 2.500 đ/kg; Miền Trung: muối thủ công từ 1.100 - 2.000 đ/kg, muối công nghiệp từ 1.000 - 1.200 đ/kg; Nam Bộ từ 900 - 1.500 đ/kg.

Nguyên nhân: Mưa nhiều do ảnh hưởng của bão nên sản lượng muối thấp. Cần phải tiếp tục theo dõi sát diễn biến của thời tiết, tình hình cung cầu muối và đáp ứng nhu cầu thị trường.

2.5. Thủy sản

2.5.1 Khai thác thủy sản

Thời tiết trên biển trong mùa mưa bão có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới hoạt động khai thác thủy sản, đặc biệt là đội tàu làm nghề lưới rê, chụp mực, cho năng suất khai thác kém hiệu quả. Tuy nhiên, đánh giá chung 9 tháng vừa qua thời tiết, ngư trường thuận lợi trong vụ cá Bắc. Vụ cá nam năm nay kéo dài thêm một tháng đã giúp thời gian bám biển của ngư dân dài thêm. Khai thác thủy sản trên biển theo mô hình tổ, đội đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn; hạn chế được những thiệt hại về người và tài sản do thiên tai, sự cố kỹ thuật; hạn chế việc tàu nước ngoài tấn công, bắt giữ, tịch thu tài sản. Ước 9 tháng năm 2017 sản lượng khai thác thủy sản đạt **2635,8 ngàn tấn**, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: ước khai thác biển đạt **2491,8 ngàn tấn**, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng khai thác cá ngừ đại dương 9 tháng đầu năm 2017 ở ba tỉnh miền trung ước đạt 15.320 tấn, tăng 9,1 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó Bình

Định ước đạt 8708 tấn tăng 19,8%, Phú Yên là 3.710 tấn xấp xỉ cùng kỳ năm trước Khánh Hòa đạt 2902 tấn, giảm 4,2%.

2.5.2 Nuôi trồng thủy sản

Trong tháng, các đợt không khí lạnh từ phía bắc và dải hội tụ nhiệt đới đã gây ra các đợt mưa lớn trên diện rộng. Con bão số 10 gây mưa lớn kết hợp triều cường đã khiến hàng nghìn ha nuôi trồng thủy sản ngoài đê bị vỡ bao và ngập, thiệt hại cho người nuôi trồng thủy sản ở một số tỉnh bắc bộ và Bắc trung bộ như Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh... Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 9 năm 2017 ước đạt **348 ngàn tấn**, tăng 8,8% so với cùng kì năm trước, đưa tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 9 tháng đầu năm đạt **2.813 ngàn tấn**, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Tình hình sản xuất một số loài cụ thể như sau:

+ **Cá Tra:** Các ao nuôi cá tra đang tích cực thu hoạch phục vụ nhu cầu của các nhà máy chế biến dịp cuối năm. Giá cá tra thương phẩm vẫn ổn định ở mức 24.000 – 26.500 đồng/kg, tăng từ 19% - 23% so với cùng thời điểm năm 2016. Diện tích nuôi cá tra của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đạt 5142,9 ha, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng thu hoạch 9 tháng tăng trưởng khá, đạt 998 ngàn tấn (+9,8%). Trong đó, các tỉnh có diện tích và sản lượng cá tra lớn vẫn phát triển nuôi mạnh là Đồng Tháp với sản lượng 390 ngàn tấn, tăng 18,7% so với cùng kỳ, Cần Thơ với sản lượng đạt 133,9 ngàn tấn (+13,5%).

+ **Tôm:** Diện tích nuôi tôm nước lợ của cả nước 9 tháng ước đạt 696,2 ngàn ha, tăng 4,4% và sản lượng thu hoạch ước đạt 468,3 ngàn tấn, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2016. Các tỉnh nam Trung bộ và đồng bằng sông Cửu Long thời tiết thuận lợi, tôm thẻ chân trắng thả nuôi ít xảy ra dịch bệnh, nhiều nơi thu hoạch có lãi. Giá tôm thương phẩm cao hơn so với trước đây, tôm thẻ chân trắng: Cỡ 60 - 70 con/kg, giá từ 120.000 - 130.000 đồng/kg; cỡ 100 - 110 con/kg, giá từ 100.000 - 105.000 đồng/kg. Tôm sú: Cỡ 40 - 50 con/kg, giá từ 220.000 - 230.000 đồng/kg; cỡ 70 - 80 con/kg giá từ 140.000 - 150.000 đồng/kg. Đồng thời người nuôi đã quan tâm theo dõi tình hình dịch bệnh và chất lượng môi trường nước để chọn thời điểm thả nuôi hợp lý. Diện tích và sản lượng nuôi tôm nước lợ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục tăng mạnh. Cụ thể là: diện tích nuôi tôm sú 9 tháng đạt 583,8 ngàn ha (+3,8%) với sản lượng thu hoạch 188,1 ngàn tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước. Nuôi tôm thẻ chân trắng với diện tích 72,4 ngàn ha (+16,1%) và sản lượng thu hoạch đạt 216,3 ngàn tấn, tăng tới 42,6% so với cùng kỳ năm 2016.

3. TÌNH HÌNH CHẾ BIẾN

3.1 Sản xuất mía đường:

Theo Cục chế biến và Phát triển thị trường nông sản tính đến ngày 25/9/2017 kết thúc vụ sản xuất đường năm 2016 - 2017, các nhà máy ép được 13.112.227 tấn mía, sản xuất 1.236.131 tấn đường. Ngành đường thiếu hụt nhân lực lao động trong sản xuất và thu hoạch mía và vùng nguyên liệu bị thu hẹp do cạnh tranh cây trồng khác.

3.2 Nông sản các loại

- Rau quả: Cơ sở vật chất cho chế biến, bảo quản rau quả được doanh nghiệp đầu tư phát triển mạnh nên bước đầu các cơ sở chế biến, bảo quản rau quả đã có công nghệ đáp ứng điều kiện ATTP của các thị trường tiêu thụ.

- Hạt điều: Trong 9 tháng đầu năm, cả nước đã chế biến và xuất khẩu 250 nghìn tấn hạt điều. Khó khăn của ngành chế biến điều hiện nay là nguồn cung cấp nguyên liệu, phụ thuộc vào nhập khẩu (chiếm đến 2/3 tổng sản lượng chế biến).

- Hạt tiêu: Các cơ sở thu mua, sơ chế và chế biến hạt tiêu vẫn duy trì hoạt động bình thường tuy bị ảnh hưởng nhiều do giá hồ tiêu Việt Nam xuống ở mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua. 9 tháng đầu năm 2017 xuất khẩu tiêu ước đạt 186 nghìn tấn.

- Chế biến chè: Chế biến - kinh doanh chè ổn định trong 8 tháng đầu năm; chế biến chè xuất khẩu 9 tháng đạt 100.000 tấn.

- Sắn: Nhìn chung các cơ sở chế biến sắn không đủ nguyên liệu để hoạt động nên mới phát huy được khoảng 60% công suất thiết kế. Sản lượng xuất khẩu sản phẩm sắn của 9 tháng đầu năm giảm 5-10% cả về sản lượng.

- Cao su: Từ đầu năm đến nay, Chế biến, kinh doanh cao su đang tiến triển tốt, xuất khẩu cao su 9 tháng đạt 895.000 tấn.

- Thịt: Các cơ sở giết mổ, chế biến thịt qui mô công nghiệp chỉ sử dụng được khoảng 30% công suất do sự cạnh tranh với các cơ sở giết mổ qui mô nhỏ chi phí thấp. Tuy vậy, các doanh nghiệp đang tích cực xây dựng mô hình sản xuất - kinh doanh mới và tích cực tìm kiếm thêm thị trường xuất khẩu, đặc biệt đã xuất khẩu được lô thịt gà sạch đầu tiên vào thị trường khó tính Nhật Bản.

4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

4.1 Xuất khẩu nông lâm và thủy sản

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 9 năm 2017 ước đạt 3,04 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2017 đạt gần 27 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 14,38 tỷ USD, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm 2016; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 5,91 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2016; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,78 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2016.

Kết quả cụ thể một số mặt hàng chủ yếu như sau:

Gạo: Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 9 năm 2017 ước đạt 466 nghìn tấn với giá trị đạt 210 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 4,57 triệu tấn và 2,02 tỷ USD, tăng 20,8% về khối lượng và tăng 18,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá gạo xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2017 đạt 440,3 USD/tấn, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2016. Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017 với 38,8% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2017 đạt 1,56 triệu tấn và 700,7 triệu USD, tăng 32% về khối lượng và tăng 30,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Philippin là thị trường nhập khẩu gạo lớn thứ 2 của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017 với 9,3% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2017 đạt 421,77 nghìn tấn và 167,25 triệu USD, gấp 2,15 lần về khối lượng và gấp 2 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Đứng thứ ba là thị trường Malaysia với 7,8% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2017 đạt 365,7 nghìn tấn và 141,68 triệu USD, tăng 80,9% về khối lượng và tăng 61,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Tám tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh là Hồng Kông (-45,3%) và Gana (-29,7%).

Cà phê: Xuất khẩu cà phê tháng 9 năm 2017 ước đạt 86 nghìn tấn với giá trị đạt 201 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 1,11 triệu tấn và 2,54 tỷ USD, giảm 20,7% về khối lượng nhưng tăng 1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2017 đạt 2.281,4 USD/tấn, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm 2016. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017 với thị phần lần lượt là 14,7% và 13,5%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 8 tháng đầu năm 2017 tăng mạnh là: Bỉ (22,1%), Ấn Độ (16,1%) và Italia (15,1%)

Cao su: Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 9 năm 2017 đạt 174 nghìn tấn với giá trị đạt 279 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 979 nghìn tấn và 1,66 tỷ USD, tăng 13,3% về khối lượng và tăng 52,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá cao su xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2017 đạt 1.715,7 USD/tấn, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm 2016. Trung Quốc, Malaysia và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017, chiếm thị phần lần lượt 62,7%, 5,5% và 4,1%. Giá trị xuất khẩu cao su sang 3 thị trường này lần lượt là: 867 triệu USD (+73%), 75,4 triệu USD (+12,7%) và 56,6 triệu USD (+75,1%) so với cùng kỳ năm 2016.

Chè: Khối lượng xuất khẩu chè tháng 9 năm 2017 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 21 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 103 nghìn tấn và 165 triệu USD, tăng 12,6% về khối lượng và tăng 11,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá chè xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2017 đạt 1.584 USD/tấn, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2016. Trong 8 tháng đầu năm 2017, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 27,8% thị phần – giảm 14% về khối lượng và giảm 10,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Các thị trường có giá trị xuất khẩu chè trong 8 tháng đầu năm 2017 tăng mạnh là Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (gấp 2,66 lần), Ấn Độ (gấp 2,03 lần), Đài Loan (+58,6%) và Ả Rập Xê Út (+17,4%).

Hạt điều: Khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 9 năm 2017 ước đạt 32 nghìn tấn với giá trị 320 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 257 nghìn tấn và 2,55 tỷ USD, giảm 0,2% về khối lượng nhưng tăng 25% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2017 đạt 9.891,3 USD/tấn, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2016. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 36,6%, 15,9% và 11,3% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Tám tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Nga (60,7%), Hà Lan (46%), Hoa Kỳ (37,3%), Thái Lan (28,6%), Anh (26,4%), Israen (22,7%) và Trung Quốc (10,8%).

Tiêu: Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 9 năm 2017 ước đạt 13 nghìn tấn, với giá trị đạt 62 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 181 nghìn tấn và 966 triệu USD, tăng 23% về khối lượng nhưng giảm 19,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2017 đạt 5.377,3 USD/tấn, giảm 33,9% so với cùng kỳ năm 2016. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017 là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất, Pakistan và Đức với 39,6% thị phần.

Gỗ và sản phẩm gỗ: Ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 9 năm 2017 đạt 601 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 5,51 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2016. Hoa Kỳ, Trung Quốc, và Nhật Bản - 3 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 8

tháng đầu năm 2017 - chiếm 70,3% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ tăng mạnh là Hoa Kỳ (18,8%), Canada (15,8%), (Đức 12,1%), Trung Quốc (11%) và Hàn Quốc (10,2%).

Thủy sản: Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 9 năm 2017 ước đạt 696 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 5,91 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2016. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017, chiếm 55,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 8 tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Trung Quốc (63,3%), Hà Lan (35,1%), Anh (29,5%), Hàn Quốc (28%), Nhật Bản (27,7%), và Canada (21,5%).

Hàng rau quả: Giá trị xuất khẩu hàng rau quả tháng 9 năm 2017 ước đạt 294 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu hàng rau quả 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 2,64 tỷ USD, tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2016. Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của hàng rau quả Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017, chiếm 85,2% tổng giá trị xuất khẩu hàng rau quả. Trong 8 tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu hàng rau quả tăng mạnh là Nhật Bản (64,6%), Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (64,4%), Trung Quốc (60,2%), Nga (41,9%), Hoa Kỳ (26,6%), Đài Loan (16,1%) và Hà Lan (9,4%).

Sắn và các sản phẩm từ sắn: Khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn trong tháng 9 năm 2017 ước đạt 312 nghìn tấn với giá trị đạt 86 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 2,9 triệu tấn và 729 triệu USD, tăng 5% về khối lượng nhưng giảm 2,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Trong 8 tháng đầu năm 2016, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính, chiếm tới 86,3% thị phần, tăng 1% về khối lượng nhưng giảm 6,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Trong 8 tháng đầu năm 2017, Các thị trường có giá trị nhập khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn giảm mạnh là: Nhật Bản (-25,1%) và Đài Loan (-16,6%).

4.2 Nhập khẩu một số mặt hàng chính

Giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản trong tháng 9 năm 2017 ước đạt 2,18 tỷ USD, đưa giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2017 đạt 21,15 tỷ USD, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, ước tính nhập khẩu các mặt hàng nông sản chính đạt 16,51 tỷ USD, tăng khoảng 28% so với cùng kỳ năm 2016. Tình hình nhập khẩu của một số mặt hàng chính như sau:

Phân bón: Ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 9 năm 2017 đạt 260 nghìn tấn với giá trị 58 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu phân bón 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 3,57 triệu tấn và 955 triệu USD, tăng 19,7% về khối lượng và tăng 16,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, khối lượng nhập khẩu phân đạm URE ước đạt 338 nghìn tấn với giá trị đạt 85 triệu USD, giảm 21,9% khối lượng và giảm 14,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016; phân SA ước đạt 821 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 97 triệu USD, tăng 11% về khối lượng và tăng 8,8% về giá trị so với năm 2016. Nguồn phân bón nhập khẩu chủ yếu trong 8 tháng đầu năm 2017 đến từ Trung Quốc chiếm tới 39,3% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này và tăng hơn 9,8% về khối lượng và tăng 15,5% giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá trị nhập khẩu phân bón trong 8 tháng đầu năm 2017 cũng tăng ở hầu hết các thị trường chính ngoại trừ thị trường Israen, Indonesia và Malaixia với mức giảm lần lượt là 31,4%, 5,8% và 3,6%. Trong 8 tháng đầu năm, thị trường có giá trị nhập khẩu mặt hàng này tăng mạnh nhất là thị trường Nga (tăng

75,5%), tiếp đến là thị trường Nhật Bản (tăng 48,2%), Hàn Quốc (tăng 26,7%), Belarus (tăng 19,7%), Lào (tăng 15,9%).

Thuốc trừ sâu và nguyên liệu: Ước giá trị nhập khẩu trong tháng 9/2017 đạt 78 triệu USD, nâng giá trị nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu trong 9 tháng đầu năm 2017 đạt 739 triệu USD, tăng 47,9% so với cùng kỳ năm 2016. Nguồn nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu trong 8 tháng đầu năm 2017 chủ yếu là từ Trung Quốc chiếm tới 54,2% tổng giá trị của mặt hàng này. Trong 8 tháng đầu năm 2017, giá trị nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu tăng ở hầu hết các thị trường, ngoại trừ thị trường Indonesia và thị trường Nhật Bản (với giá trị giảm lần lượt là 6,4% và 0,3%). Trong đó, ba thị trường có giá trị nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu tăng mạnh nhất là thị trường Thái Lan (tăng 91,9%), tiếp đến là thị trường Trung Quốc (tăng 60,7%), và thị trường Ấn Độ (tăng 48%) so với cùng kỳ năm 2016.

Gỗ và sản phẩm gỗ: Ước giá trị nhập khẩu tháng 9/2017 đạt 175 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 9 tháng đầu năm 2017 đạt 1,62 tỷ USD, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2016. Trong 8 tháng đầu năm 2017, giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của tất cả các thị trường nhập khẩu chính đều tăng. Trong đó, ba thị trường có giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh nhất là thị trường Campuchia, tăng 53,9% so với cùng kỳ năm 2016, tiếp đến là thị trường Pháp (tăng 53%) và thị trường Brazil (tăng 43,4%).

Lúa mì: Ước tính khối lượng nhập khẩu lúa mì trong tháng 9/2017 đạt 338 nghìn tấn với giá trị đạt 68 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu mặt hàng này 9 tháng đầu năm 2017 đạt 3,72 triệu tấn và 773 triệu USD, tăng 7,2% về khối lượng và tăng 5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Thị trường nhập khẩu lúa mì chính trong 8 tháng đầu năm 2017 là Úc, chiếm tới 44,2%; tiếp đến là Canada chiếm 25,5%, Braxin chiếm 2,8%, Nga chiếm 1,6% và Hoa Kỳ chiếm 0,4% tổng giá trị nhập khẩu lúa mì. Hai thị trường nhập khẩu lúa mì lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2017 đều có sự gia tăng mạnh cả về khối lượng và giá trị. Trong đó, thị trường Canada có khối lượng lúa mì tăng hơn 16 lần và giá trị tăng hơn 12 lần, thị trường Úc có khối lượng nhập khẩu lúa mì tăng 30,8% và giá trị tăng 24,4%. Thị trường có giá trị nhập khẩu giảm mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2016 là thị trường Hoa Kỳ (giảm 91,9%).

Thức ăn gia súc và nguyên liệu: Ước giá trị nhập khẩu nhóm mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu trong tháng 9/2017 ước đạt 259 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này 9 tháng đầu năm 2017 lên 2,48 tỷ USD, giảm khoảng 2,1% so với cùng kỳ năm 2016. Thị trường nhập khẩu chính của nhóm mặt hàng này trong 8 tháng đầu năm 2017 là Achantina (chiếm 48,4% thị phần), tiếp đến là Hoa Kỳ (8,2%), Trung Quốc (4,5%), Ấn Độ (chiếm 4,3% thị phần). Trong đó, thị trường có tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2016 là thị trường Italia (tăng hơn 9 lần) tiếp đến là các thị trường Ấn Độ, Indonesia, Đài Loan, Achantina với tỷ lệ tăng lần lượt là 78,7%, 15,8%, 11,8%, và 5,9%. Ngược lại, giá trị nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu của thị trường Trung Quốc, Hoa Kỳ, Brazil, Thái Lan và TVQ A Rập Thống Nhất giảm lần lượt là 47,9%, 23,6%, 18,1%, 13,1% và 3%.

Cao su: Ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 9/2017 đạt 56 nghìn tấn với giá trị đạt 101 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2017 lên 398 nghìn tấn và 813 triệu USD, tăng 31,6% về khối lượng và tăng 75,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Bốn thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu trong 8 tháng đầu năm 2017 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Campuchia và Thái Lan chiếm 55,4% thị phần. Trong

8 tháng đầu năm 2017, giá trị cao su ở tất cả các thị trường nhập khẩu đều tăng. Trong đó, thị trường có giá trị tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2016 là thị trường Indonesia (tăng hơn 2,8 lần), tiếp đến là thị trường Nga (tăng hơn 2,2 lần) và thị trường Thái Lan (tăng hơn 2,1 lần). Đặc biệt, trong 8 tháng đầu năm 2017 mặc dù khối lượng nhập khẩu cao su từ thị trường Malaixia giảm 17,4% nhưng giá trị nhập khẩu của mặt hàng này lại tăng 42,3% so với cùng kỳ năm 2016.

Thủy sản: Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 9/2017 đạt 124 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2017 đạt 1,04 tỷ USD, tăng 34,2% so với cùng kỳ năm 2016. Thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2017 là Ấn Độ (chiếm 28% thị phần) tiếp đến là Trung Quốc, Na Uy, Đài Loan và Nhật Bản với thị phần lần lượt là 8,5%, 7,7%, 6,8% và 5,4%. Trong 8 tháng đầu năm 2017 giá trị nhập khẩu thủy sản tăng ở hầu hết các thị trường chính ngoại trừ thị trường Hàn Quốc và thị trường Đài Loan với giá trị giảm lần lượt là 6,7% và 1% so với cùng kỳ năm 2016. Giá trị nhập khẩu thủy sản tăng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2016 là thị trường Chi Lê (gấp hơn 2 lần) và thị trường Trung Quốc (tăng gần 2 lần).

Rau quả: Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 9 năm 2017 đạt 135 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu rau quả 9 tháng đầu năm 2017 đạt 1,15 tỷ USD, tăng 78,2% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 218 triệu USD, tăng 30,1% so với cùng kỳ 2016 và mặt hàng quả đạt 914 triệu USD, tăng gần 2 lần so với cùng kỳ năm 2016. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2017 là thị trường Thái Lan (chiếm tới 60,7% thị phần), tiếp đến là thị trường Trung Quốc (chiếm 15,7%). Trong 8 tháng đầu năm 2017 giá trị nhập khẩu rau quả ở tất cả các thị trường đều tăng so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, thị trường có giá trị nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là Thái Lan (gấp hơn 2,8 lần), tiếp đến là thị trường Ấn Độ (gấp hơn 2,2 lần) và thị trường Hàn Quốc (tăng 70,8%).

Hạt điều: Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 9/2017 ước đạt 73 nghìn tấn với giá trị đạt 159 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu điều 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 1,13 triệu tấn và 2,22 tỷ USD, tăng 42,5% về khối lượng và tăng 83,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016.

Đậu tương: Ước khối lượng đậu tương nhập khẩu trong tháng 9/2017 đạt 159 nghìn tấn với giá trị 69 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu đậu tương 9 tháng đầu năm 2017 ước đạt 1,35 triệu tấn và 579 triệu USD, tăng 10,9% về khối lượng và tăng 22,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016.

Ngô: Ước tính khối lượng ngô nhập khẩu trong tháng 9/2017 đạt 544 nghìn tấn với giá trị đạt 101 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu ngô 9 tháng đầu năm 2017 đạt 5,37 triệu tấn và 1,06 tỷ USD, giảm 3,6% về khối lượng và giảm 3,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Argentina và Braxin là hai thị trường nhập khẩu ngô chính trong 8 tháng đầu năm 2017, chiếm lần lượt là 54,9% và 17,6% tổng giá trị nhập khẩu của mặt hàng này. Trong 8 tháng đầu năm 2017, khối lượng nhập khẩu ngô tăng mạnh nhất tại thị trường Thái Lan gấp 13,9 lần so với cùng kỳ năm 2016 nhưng giá trị lại chỉ gấp 3,12 lần. Ngược lại, thị trường Brazil lại có khối lượng và giá trị nhập khẩu mặt hàng này đều giảm hơn 60% so với cùng kỳ năm 2016.

5. THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

9 tháng qua, thị trường một số nông sản có khá nhiều biến động: Giá cà phê trong nước trong xu hướng giảm là chủ đạo với lượng giao dịch nội địa tiếp tục trầm lắng do

mức giá chưa đạt kỳ vọng và nguồn cung không còn nhiều. Giá hồ tiêu trong nước giảm với mức giảm từ 35 – 40% do nhu cầu thị trường hạn hẹp, trong khi việc xuất khẩu hồ tiêu của các doanh nghiệp vẫn không có tín hiệu tích cực, cộng với sự ảnh hưởng của giá hồ tiêu thế giới thấp.

Thị trường cá tra và tôm trong nước nhìn chung có sự khởi sắc về giá theo hướng có lợi cho người nuôi. Giá cả 2 mặt hàng tăng vào thời điểm hiện nay là do thị trường xuất khẩu đang hút hàng để đáp ứng nhu cầu cuối năm, trong khi nguồn cung hạn chế đẩy giá tăng cao. Giá lúa tăng trên thị trường nội địa tăng do nhu cầu nhập khẩu tăng từ Băng-la-đét, Phi-lip-pin trong khi nguồn cung vụ Hè Thu và Thu Đông hạn chế. Trong khi đó, giá lợn hơi trung bình của cả nước chủ yếu giảm do nguồn cung dư thừa trong khi nhu cầu tiêu thụ không có đột biến.

Tình hình thị trường các mặt hàng chủ yếu như sau:

Lúa gạo: Nông dân khu vực ĐBSCL đang thu hoạch lúa Thu Đông, giá lúa gạo trên thị trường trong nước biến động tăng nhẹ trong tháng 9/2017 trong bối cảnh thu hoạch lúa Thu Đông với thời tiết bất lợi, dịch bệnh phát sinh, chi phí tăng nhưng năng suất lại giảm 30-40% so với vụ năm trước. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL qua cụ thể như sau: tại An Giang, lúa IR50404 giữ ở mức 4.700 đ/kg trong suốt 3 tuần đầu tháng và mới tăng lên 4.800 đ/kg vào ngày 20/9; lúa OM 5451 tăng 100 đ/kg, từ 4.900 đ/kg lên 5.000 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa tươi IR50404 đã thu hoạch xong; lúa khô giữ ở mức 5.000 đ/kg (giảm 500 đ/kg so với vụ Thu Đông năm ngoái). Tại Bạc Liêu, các loại lúa chất lượng cao như OM 5451, OM 6976 tăng 100 đ/kg, từ 4.700 – 4.900 đ/kg lên 4.800 – 5.000 đ/kg; giá bán buôn của Công ty Lương thực Bạc Liêu tăng, lúa tươi OM 5451 tăng 100 đ/kg lên 5.100 đ/kg, lúa khô tăng 400 đ/kg lên 6.000 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 không thay đổi ở mức 5.400 đ/kg; lúa OM 4218 ở mức 6.200 đ/kg; lúa OM 6976 giảm 200 đ/kg xuống 6.000 đ/kg; lúa Jasmine ổn định ở mức 6.400 đ/kg.

Tính trong 9 tháng đầu năm 2017, giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến theo xu hướng tăng, với lúa thường IR50404 tại An Giang tăng khoảng 300 – 400 đ/kg, từ 4.300 – 4.400 đ/kg lên 4.700 – 4.800 đ/kg (lúa tươi); tại Kiên Giang tăng 200 đ/kg, từ 5.200 đ/kg lên 5.400 đ/kg (lúa khô). Giá lúa tăng trên thị trường nội địa tăng do nhu cầu nhập khẩu tăng từ Băng-la-đét, Phi-lip-pin trong khi nguồn cung vụ Hè Thu và Thu Đông hạn chế.

Cà phê: Thị trường cà phê trong nước biến động giảm trong tháng 9/2017 theo xu hướng của thị trường thế giới. So với tháng trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 1.400 – 1.500 đ/kg xuống còn 42.500 – 43.300 đ/kg. Đây là mức giá thấp trong quý 3/2017.

Nhìn chung trong 9 tháng qua, giá cà phê trong nước theo xu hướng giảm là chủ đạo. So với thời điểm cuối năm 2016, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên đã giảm 1.500 – 1.900 đ/kg. Giao dịch cà phê tại thị trường nội địa tiếp tục trầm lắng do mức giá chưa đạt kỳ vọng và nguồn cung không còn nhiều.

Cao su: Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước tiếp tục tăng trong tháng 9/2017, từ 305 đồng/độ lên 325 đồng/độ. Trong khi đó, giá thu mủ cao su dạng nước tại Đồng Nai giữ ở mức 12.500 đ/kg sau khi giảm vào cuối tháng 7/2017.

Tính trong 9 tháng đầu năm, giá mủ cao su tăng khá. Tại Đồng Nai, giá thu mua mủ cao su tăng 2.200 đ/kg, từ 10.300 đ/kg lên 12.500 đ/kg. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ cao su trong 3 tháng qua tăng 60 đồng/độ, từ 265 đồng/độ lên 325 đồng/độ.

Chè: Thị trường chè nguyên liệu trong nước trong tháng 9/2017 diễn biến ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao trong tháng giữ mức 185.000 đ/kg, chè xanh búp khô 100.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 vẫn giữ mức 9.000 đ/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen (loại 1) giữ mức 6.000 đ/kg.

Nhìn lại 9 tháng, thị trường chè từ đầu năm đến nay không có biến động mạnh. Giá chè có tăng vào thời điểm đầu năm mới và Tết Nguyên đán cổ truyền nhưng mức tăng không mạnh do cung ổn định, đủ để đáp ứng nhu cầu thị trường, sau đó giảm dần và ổn định cho tới nay.

Hồ tiêu: Thị trường hồ tiêu trong nước biến động giảm trong tháng 9/2017. So với cuối tháng 8/2017, giá tiêu tại Gia Lai và Bà Rịa Vũng Tàu giảm 2.000 đ/kg xuống còn 84.000 đ/kg và 88.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đắk Lắk – Đắk Nông và Đồng Nai giảm 3.000 đ/kg, hiện ở mức 85.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai giảm 4.000 đ/kg xuống 83.000 đ/kg.

Nhìn chung trong 9 tháng qua, giá hồ tiêu trong nước giảm với mức giảm từ 35 – 40% do nhu cầu thị trường hạn hẹp, trong khi việc xuất khẩu hồ tiêu của các doanh nghiệp vẫn không có tín hiệu tích cực, cộng với sự ảnh hưởng của giá hồ tiêu thế giới thấp.

Điều: Thị trường điều trong tháng 9/2017 diễn biến tăng do thị trường xuất khẩu tăng với dự báo nhu cầu tăng vào cuối năm phục vụ các ngày lễ. Cụ thể, giá điều hiện tại tại Đaklak đạt 45.000 đ/kg. Nhìn lại 9 tháng đầu năm thị trường điều có nhiều biến động do sự biến động của nguồn cung vào thời điểm khác nhau.

Thủy sản: Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng 9/2017 tăng khá mạnh do nguồn cung yếu, hiện dao động ở mức 25.000 - 27.000 đ/kg tùy theo chất lượng cá và phương thức thanh toán. Còn đối với cá tra nguyên liệu size lớn, trọng lượng trên 1 kg/con hiện cũng có giá 24.500 - 25.000 đồng/kg, tăng 2.000 - 2.500 đồng/kg so với tháng trước. Giá cá tra giống có xu hướng tăng giá do khan hàng và nhu cầu thả nuôi tăng cao. Đồng thời, giá tôm nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng 9/2017 có chiều hướng tăng mạnh, nhất là mặt hàng tôm sú với mức tăng khoảng 20.000 đ/kg so với tháng trước. Cụ thể, tại Bạc Liêu, Cà Mau giá tôm sú nguyên liệu được thương lái mua tận hộ dân, loại 20 con/kg từ 260.000 - 270.000 đ/kg, loại 30 con giá từ 225.000 - 235.000 đ/kg, đặc biệt loại tôm sú sống chạy ôxy có giá bán cao hơn tôm ướp đá từ 10.000 - 30.000 đ/kg nhưng luôn hút hàng.

Trong 9 tháng đầu năm, thị trường cá tra và tôm trong nước nhìn chung có sự khởi sắc về giá theo hướng có lợi cho người nuôi. Sức tiêu thụ ở một số thị trường chính duy trì ổn định cũng giúp việc tiêu thụ nguyên liệu khả quan. Giá nguyên liệu tăng vào thời điểm hiện nay này là do thị trường xuất khẩu đang hút hàng để đáp ứng nhu cầu cuối năm, trong khi nguồn cung hạn chế đẩy giá tăng cao.

Thịt: Giá lợn hơi trong tháng 9/2017 biến động giảm nhẹ tại các vùng chăn nuôi cả nước. Cụ thể, tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung, miền Nam như Hà Nội, Hưng Yên, Nghệ An, Đồng Nai... giá lợn đã giảm từ 1.000 - 2.000 đ/kg xuống còn khoảng trên dưới 30.000 đ/kg. Tại miền Trung, giá lợn hơi tại Quảng Trị và Thừa Thiên Huế giảm khoảng 500 đ/kg, giá trung bình toàn miền chỉ dao động trong khoảng 29.000 – 32.000 đ/kg. Tại miền Nam, giá lợn hơi giảm 500 đ/kg ở Tiền Giang, giảm 1.000 đ/kg ở Long An và giảm 1.500

đ/kg ở Hậu Giang. Giá lợn hơi tại nhiều tỉnh miền Nam nằm trong khoảng 28.500 – 30.500 đ/kg. Tại một số vùng chăn nuôi lớn của Đồng Nai, hiện giá lợn cũng đã giảm từ 1.000 – 2.000 đ/kg xuống còn khoảng trên dưới 31.000 đ/kg, tùy thuộc vào chất lượng và quy mô nuôi. Trái ngược với giá lợn hơi, giá gà thịt lông màu khu vực Đông Nam Bộ và ĐBSCL lại biến động tăng với mức tăng từ 4.000 – 5.000 đ/kg do nhu cầu khởi sắc. Giá gà thịt lông màu khu vực Đông Nam Bộ hiện ở mức 36.000 – 37.000 đ/kg, ở Đồng bằng Sông Cửu Long là 37.000 – 38.000 đ/kg.

Trong 9 tháng qua, ngoại trừ đợt phục hồi mạnh mẽ vào giữa tháng 7, giá lợn hơi trung bình của cả nước chủ yếu giảm do nguồn cung dư thừa trong khi nhu cầu tiêu thụ không có đột biến. Trong khi đó, nhu cầu thịt lợn của Trung Quốc lại không ổn định.

Rau quả: Trong tháng 9/2017, trước cơn sốt giá sầu riêng tại các tỉnh Tây Nguyên, nhiều tiểu thương sẵn sàng đổ tiền vào các nhà vườn để thu mua sầu riêng non lẫn chín. Tại huyện Krông Păk (tỉnh Đắk Lắk), một số loại sầu riêng chất lượng cao được thu mua với giá 54.000 đ/kg – mức giá kỷ lục nhiều năm. Đồng thời, giá dứa khô tại tỉnh Trà Vinh không ngừng tăng cao với mức thu mua tại vườn 150.000 đ/chục (12 trái). Đây là mức giá dứa khô cao nhất trong vòng 6 năm qua, đem lại cho mỗi 1 ha vườn dứa thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng. Trong khi đó, thị trường rau củ tại Lâm Đồng tương đối ổn định chỉ có một số rau như cà chua, hoa lơ xanh và cải bó xôi giảm nhẹ với mức giảm 2.000-3.000đ/kg so với đầu tháng.

Nhìn lại 9 tháng đầu năm, thị trường trái cây biến động thất thường do đặc tính thời vụ của từng loại trái cây. Trong khi đó, thị trường rau củ bị ảnh hưởng của thời tiết đặc biệt những cơn bão gần đây đã làm nguồn cung giảm khiến thị trường tăng mạnh vào tháng 7 và 8, tuy nhiên đến nay thị trường có dấu hiệu hồi phục.

6. THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Bộ NN - PTNT quản lý 9 tháng năm 2017 ước đạt 5.031,6 tỷ đồng, bằng 55,9% kế hoạch, giải ngân ước đạt 4.203,9 tỷ đồng, bằng 46,7% kế hoạch, trong đó: Vốn ngân sách tập trung, khối lượng thực hiện ước đạt 4.300,1 tỷ đồng, bằng 63,7% kế hoạch, giải ngân ước đạt 3.851,7 tỷ đồng, bằng 57,1% kế hoạch; Vốn trái phiếu Chính phủ, khối lượng thực hiện ước đạt 731,6 tỷ đồng, bằng 32,6% kế hoạch, giải ngân ước đạt 352,2 tỷ đồng, bằng 15,7% kế hoạch. Kết quả thực hiện như sau:

6.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý

6.1.1. Phân bổ vốn đầu tư

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc nguồn ngân sách được giao tại các quyết định: Quyết định số 2562/QĐ- TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017; Quyết định số 1989/QĐ- BKHĐT ngày 31/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017. Tổng số vốn kế hoạch năm 2017 được giao 6.751 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước 2.018,4 tỷ đồng, vốn ngoài nước 4.732,6 tỷ đồng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 589/BNN - KH ngày 17/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài

chính, Kho bạc nhà nước và thông báo vốn cho các chủ đầu tư về phân bổ vốn kế hoạch nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 để các chủ đầu tư có thể triển khai thực hiện.

6.1.2. Kết quả thực hiện

Khối lượng thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách tập trung 9 tháng năm 2017 ước đạt 4.300,1 tỷ đồng, bằng 63,7% kế hoạch, trong đó: Vốn trong nước thực hiện ước đạt 1.351,6 tỷ đồng; Vốn ngoài nước thực hiện ước đạt 2.948,5 tỷ đồng. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

6.1.2.1 Vốn thực hiện dự án: Khối lượng thực hiện ước đạt 4.116,7 tỷ đồng, bằng 63,1% kế hoạch năm, trong đó:

- Đầu tư Thủy lợi

Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 2.021,7 tỷ đồng, bằng 58,3% kế hoạch, vốn trong nước ước đạt 310,5 tỷ đồng, vốn ngoài nước ước đạt 1.711,2 tỷ đồng, giải ngân ước đạt 2.055,4 tỷ đồng, bằng 59,3% kế hoạch. Kết quả thực hiện của một số dự án:

- Dự án Bắc sông Chu – Nam sông Mã (ADB.6): Khối lượng thực hiện ước đạt 336,3 tỷ đồng;

- Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An (Jica2): Khối lượng thực hiện ước đạt 210,7 tỷ đồng;

- Dự án Phát triển nông nghiệp có tưới - WB7: Khối lượng thực hiện ước đạt 326,3 tỷ đồng;

- Dự án Quản lý phát triển thủy lợi phục vụ PTNT ĐBSCL - WB6: Khối lượng thực hiện ước đạt 552,9 tỷ đồng.

- Đầu tư Nông nghiệp: Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 700,8 tỷ đồng, bằng 87,6% kế hoạch, giải ngân ước đạt 476,7 tỷ đồng, bằng 59,6% kế hoạch. Kết quả thực hiện một số dự án:

- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc: Khối lượng thực hiện ước đạt 161,9 tỷ đồng;

- Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung giai đoạn 2: Khối lượng thực hiện ước đạt 336,1 tỷ đồng;

- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên: Khối lượng thực hiện ước đạt 150,8 tỷ đồng;

- Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VNSAT): Khối lượng thực hiện ước đạt 110,3 tỷ đồng.

- Đầu tư Lâm nghiệp: Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 170,4 tỷ đồng, bằng 81,7% kế hoạch, giải ngân ước đạt 207,7 tỷ đồng, bằng 99,5% kế hoạch, trong đó:

- Dự án JICA2 lâm nghiệp: Khối lượng thực hiện ước đạt 127,9 tỷ đồng.

- Đầu tư Thủy sản: Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 422,7 tỷ đồng, bằng 54,8% kế hoạch, giải ngân ước đạt 281,2 tỷ đồng, bằng 36,5 % kế hoạch, Kết quả thực hiện một số dự án:

- Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững: Khối lượng thực hiện ước đạt: 256,3 tỷ đồng;

- Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, Bình Thuận: Khối lượng thực hiện ước đạt 96,2 tỷ đồng;

- Dự án Nâng cấp mở rộng cảng cá Bình Đại: Khối lượng thực hiện ước đạt 10,5 tỷ đồng;

- Dự án Đầu tư nâng cấp hạ tầng nuôi tôm công nghiệp tập trung tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1): 32,7 tỷ đồng.

- **Đầu tư cho Giáo dục - Đào tạo:** Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 252,8 tỷ đồng, bằng 68,6% kế hoạch;

- **Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học:** Khối lượng thực hiện 9 tháng ước đạt 4,3 tỷ đồng, bằng 83,3% kế hoạch;

- **Lĩnh vực khác:** Khối lượng thực hiện ước đạt 104,6 tỷ đồng, bằng 91,2% kế hoạch.

6.1.2.2 Các dự án đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách TW: Khối lượng thực hiện ước đạt 183,4 tỷ đồng, bằng 81,3% kế hoạch năm, trong đó:

- Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững: Khối lượng thực hiện ước đạt 9,6 tỷ đồng, bằng 54,4% kế hoạch;

- Chương trình phát triển thủy sản bền vững: Khối lượng thực hiện ước đạt 32,4 tỷ đồng, bằng 42,7% kế hoạch;

- Chương trình hỗ trợ tái cơ cấu KT nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư: Khối lượng thực hiện ước đạt 134,4 tỷ đồng, bằng 111,1% kế hoạch.

6.2. Vốn trái phiếu Chính phủ

6.2.1 Phân bổ vốn

Kế hoạch vốn đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2017 được Thủ tướng Chính phủ giao là 4.052,52 tỷ đồng tại các quyết định: Quyết định số 578/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016; Quyết định số 613/QĐ- BKHĐT ngày 28/4/2017 của Bộ Kế hoạch &ĐT về việc giao chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 4145/BNN-KH ngày 22/5/2017 triển khai giao kế hoạch và thông báo vốn cho các chủ đầu tư để tổ chức thực hiện;

6.2.2 . Kết quả thực hiện

Khối lượng thực hiện trong 9 tháng năm 2017 của các công trình thủy lợi đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ ước đạt 731,6 tỷ đồng, bằng 32,6% kế hoạch, giải ngân ước đạt 352,2 tỷ đồng, bằng 15,7% kế hoạch.

7. HIỆN TRẠNG THỐNG KÊ HÀNG THÁNG

Tính đến ngày 25/9/2017 có 57/63 Sở Nông nghiệp và PTNT gửi báo cáo về Trung tâm Tin học và Thống kê, có 6 tỉnh không gửi báo cáo về Trung tâm là tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, Thanh Hóa, Đà Nẵng và Quảng Nam, có 54 tỉnh đã cập nhật báo cáo vào phần mềm thống kê trực tuyến.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, đề nghị các đơn vị trực thuộc Bộ và các địa phương chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ;
- Vụ Kế hoạch;
- Phát hành trên cổng thông tin Mard.gov.vn;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Lưu VT, TK(2)

GIÁM ĐỐC

Ngô Thế Hiên